

TÔ ĐÔNG PHA, NÚI LƯ, VÀ NHỮNG TRIẾT LÝ SÂU SẮC

Tỳ Kheo Thích Thiện Trí

Tô Đông Pha là một nhà đại văn thơ rất nổi tiếng và lỗi lạc vào thời Bắc Tống (960-1127), Trung Quốc. Ông tên thật là Tô Thúc (1037-1101), hiệu là Đông Pha Cư Sĩ, nên đời gọi ông là Tô Đông Pha. Ông được mệnh danh là một trong “*Đường Tống Bát đại gia*”. Tám vị văn hào lớn nhất thời Đường Tống từ thế kỷ VII cho đến thế kỷ XIII là Hàn Vũ và Liễu Tôn Nguyên đời Đường. Ba cha con Tô Tuân (Cha Tô Thúc), Tô Thúc (Tô Đông Pha), Tô Triệt (Em Tô Thúc), cùng Âu Dương Tu, Vương An Thạch, và Tăng Củng đều thuộc thời nhà Tống. Cả đời ông đã sáng tác hơn 4000 bài thơ, từ, và nhiều cổ văn khác. Văn thơ của ông như “*hành vân lưu thủy*” (mây trôi nước chảy) bởi vì ông là người “*quảng học đa văn*” (học rộng nghe nhiều) và chịu ảnh hưởng nhiều tư tưởng khác nhau như Khổng, Lão, Trang, và Phật. Chính vì vậy, thái độ và tư tưởng của ông rất trực tính, phóng khoáng, hào phóng, thông thái, tự tại, lạc quan, giàu tình cảm, và có chiều sâu. Dù đã trải qua bao biến cố và thăng trầm trong cuộc đời, ông vẫn giữ thái độ tích cực, lạc quan, và tự tại; điều này đã thể hiện được trong chính những bài thơ của sâu sắc và độc đáo của ông. Do vậy có thể thấy, ông là người có được nhân cách và thái độ sống cao cả. Ngoài văn thơ, ông còn là một nhà họa sĩ, nhà thư pháp giỏi và là vị Quan chính trực của triều đình nhà Tống. Đến tận bây giờ, người ta vẫn còn nhớ đến tên tuổi và những tác phẩm vô giá của ông, vì ông đã góp phần làm giàu cho nền văn học, triết học, và lịch sử học Trung Quốc nói riêng cũng như Á Châu nói chung.

Một trong những bài thơ hay và đầy triết lý của nhà thơ Tô Đông Pha mà bút giả muốn giới thiệu đến mọi người là bài “*Đề Tây Lâm Bích*” và “*Quán Triều*” hay còn gọi là “*Lư Sơn*”. Cả hai bài thơ này đều được tìm thấy trong những tập *Thơ* và *Từ* của ông. Vào năm Nguyên Phong thứ VII (năm 1084) khi Tô Thúc bị giáng chức quan ở Hoàng Châu tỉnh Hồ Bắc tới Trung Đoàn Nhữ Châu tỉnh Hà Nam làm phó sứ. So với đường bộ, đi đường thủy là phải đánh một vòng lớn từ Hoàng Châu đi thuyền trên sông Dương Tử (Trường Giang) về phía đông, rồi rẽ qua các con sông khác như sông Hoài và sông Biện đi về hướng Khai Phong Phủ và Lạc Dương và tẻ xuống Nhữ Châu, nên phải mất mấy tháng mới tới. Nhưng cũng nhờ đi đường thủy đánh cái vòng lớn này mà nó đã làm cho chuyến đi của nhà thơ Tô Đông Pha trở nên phong phú hơn, đặc biệt là được dừng lại Cửu Giang để ghé thăm núi Lư ở tỉnh Giang Tây. Tại núi Lư, ông đã sáng tác một số bài *Thơ* và *Từ* rất nổi tiếng đặc biệt là bài “*Đề Tây Lâm Bích*” hay còn được gọi là “*Lư Sơn Chân Diện Mục*” và sau này là bài “*Quán Triều*” (*Ngắm nhìn thủy triều*) hay còn gọi là “*Lư Sơn Yên Tọa Chiết Giang Triều*”.

Bài thơ “Đề Tây Lâm Bích” đã được nhà thơ Tô Đông Pha viết vào năm Nguyên Phong Thứ VII triều Tống (1084) trên tường chùa Tây Lâm nên người đời sau lấy đó mà lập đề cho bài thơ này. Tác giả đã thấy cảnh sinh tình, như thấy được vẻ đẹp hùng vĩ của núi Lư từ nhiều khía cạnh khác nhau và nhận ra được triết lý sống động tuyệt vời qua cảnh vật mà dâng trào ý thơ. Bài thơ này không những có giá trị văn học rất cao mà còn cả triết lý thật sâu sắc, bởi vì ông đã hấp thụ được tư tưởng sâu đậm của Phật giáo, và đặc biệt Thiền Tông, khá hưng thịnh đương thời, từ tuổi trung niên trở về sau. Nhà thơ Tô Thức đã miêu tả bộ mặt thay đổi của núi Lư từ nhiều góc độ khác nhau một cách sống động. Nhờ ngắm phong cảnh núi Lư từ nhiều mặt nên ông đã nhận ra một triết lý rất tuyệt vời trong cuộc sống nhân sinh. Do vậy ông dùng phong cảnh núi Lư để chỉ cho chúng ta thấy rằng trong cuộc sống khi chúng ta nghiên cứu và xem xét một vấn đề, sự vật, và hiện tượng gì đó thì chúng ta cần phải quan sát nó với tính khách quan và toàn diện. Đó là một triết lý sống động, thực tiễn, và chuẩn mực cho chúng ta học và sống trên cuộc đời. Bởi cuộc đời có nhiều mặt khác nhau nên chúng ta phải nhìn cuộc đời bằng đôi mắt khách quan và toàn diện thì mới thấu rõ được bản chất thật của nó. Sâu sắc hơn thế nữa, qua lăng kính của nhà Phật, đặc biệt Thiền Tông, bài thơ đã giúp chúng ta hiểu rõ rằng sở dĩ mình không thấy được cái bộ mặt thật xưa nay của mình (Kiến Tánh hay Giác Ngộ) là bởi vì mình còn sống bằng và trên tình thức, chưa ra khỏi được. Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng, khẩn yếu, và đáng lưu tâm đến mà người tu Phật cần nghiên cứu và xem xét cho thấu đáo, để biết rõ đường đi và không luống uổng một đời tu đạo. Sau đây là toàn bài thơ bằng tiếng Hán, Hán-Việt, và được dịch Việt.

Hán:

題西林壁
橫看成嶺側成峰，
遠近高低各不同。
不識廬山真面目，
只緣身在此山中。

Hán-Việt:

Đề Tây Lâm Bích
Hoành khan thành lĩnh trắc thành phong,
Viễn cận cao đề các bất đồng.
Bất thức Lư Sơn chân diện mục,
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.

Việt Dịch:

Đề Trên Tường Chùa Tây Lâm
*Nhìn ngang thành dãy, nghiêng thành ngọn,
Cao thấp xa gần thấy chẳng đồng.
Chẳng rõ Lư Sơn chân diện mục,
Chỉ vì thân ở trong núi này.*

Bài thơ “*Đề Tây Lâm Bích*” vốn vô danh, nhưng vì người ta tìm thấy bài thơ này được ghi trên bức tường chùa Tây Lâm ở chân núi phía tây của núi Lư, nên cứ gọi nó là Đề Tây Lâm Bích, tức bài thơ được ghi trên tường chùa Tây Lâm.

Hai câu đầu:

*“Nhìn ngang thành dãy, nghiêng thành ngọn,
Cao thấp xa gần thấy chẳng đồng.”*

Nhà thơ Tô Thức đã tổng hợp và miêu tả phong cảnh muôn hình vạn trạng của núi Lư một cách sinh động qua hai dòng thơ trên. Ông đã dùng từ ngữ rất giản dị nhưng súc tích và thâm thúy, như là “*ngang, nghiêng, cao, thấp, xa, gần*” để diễn tả, bộc lộ, và gợi gắm một triết lý sâu sắc mà ông đã nhận ra và muốn trao gởi cho người khác. Đó là phong cách đặc sắc và riêng biệt của thi sĩ Tô Đông Pha. Núi Lư có địa hình rất đặc biệt. Nếu nhìn ngang từ xa và ở dưới thì thấy núi Lư có sườn núi uốn lượn liên tục trải dài thành dãy. Nếu nhìn nghiêng bên hông ở độ gần và từ dưới lên cao thì thấy những ngọn núi cao chót vót hoặc nhìn gần từ trên cao thì sẽ thấy những ngọn núi nhấp nhô, và riêng biệt được bao phủ bởi mây và sương. Nói một cách khác, do vị trí và góc độ của du khách ở núi Lư khác nhau nên hình dạng và cảnh vật núi Lư cũng sẽ thấy khác nhau. Vì thế thi sĩ Tô Đông Pha đã diễn tả rõ ràng khi nhìn núi Lư ở xa, gần, cao, và thấp thì sẽ thấy diện mạo của nó hoàn toàn khác nhau ngang qua hai câu thơ trên. Nhà thơ đã mượn hình ảnh của núi Lư để chỉ cho chúng ta thấy rằng một vấn đề có thể nhìn từ nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau. Mỗi góc độ nhìn thấy chỉ đúng một phần nào đó mà không phải là toàn diện. Chúng ta đều có cái nhìn khác nhau vì những khái niệm, những nhận thức định kiến được hình thành qua vọng thức chủ quan của từng cá nhân khác nhau. Do vậy khó tránh khỏi những tầm nhìn hạn hẹp và định kiến sai lầm của mình. Và do vậy nên chúng ta cần phải nhìn mọi vấn đề, mọi sự vật hiện tượng, qua nhiều khía cạnh khác nhau hay khách quan và toàn diện, làm cho cuộc sống tương đối của mình và người được an vui hạnh phúc hơn. Nhà thơ Tô Thức đã làm sáng tỏ vấn đề này một cách đẹp đẽ, thanh lịch, xuất sắc, và thiên vị qua hai câu cuối sau đây:

*“Chẳng rõ Lư Sơn chân diện mục,
Chỉ vì thân ở trong núi này.”*

Lư Sơn (廬山) là một dãy núi có 99 ngọn núi nằm gần thành phố Cửu Giang và phía bắc tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Đỉnh cao nhất gọi là Đại Hán Dương với độ cao 1.474 mét trên mực nước biển. Quanh năm thường có sương mù bao phủ, nên cũng thường có mưa sương. Đây cũng là cái đặc sắc của núi Lư. Núi Lư có chiều dài khoảng 25 km và 10 km bề rộng. Phía bắc núi Lư là sông Dương Tử hay Trường Giang. Phía nam là thành phố Nam Xương. Phía Đông là hồ Bà Dương. Núi Lư là một dãy núi rất đẹp, hùng vĩ, là một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng từ ngàn xưa. Năm 1996, nó được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Vẻ đẹp thu hút của núi Lư còn là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm thi ca Trung Quốc. Điển hình là từ khi ngài Huệ Viễn Đại Sư đến núi này lập chùa Đông Lâm vào thời nhà Tùy thì liên tục trở về sau có rất nhiều văn nhân mặc khách đã đến và làm thơ tại núi này. Như là nhà thơ trứ danh Lý Bạch thời Đường với bài “*Vọng Lư Sơn bộc bố*” (Xa Ngắm Thác Núi Lư). Vào thời Bắc Tống, nhà thơ lỗi lạc Tô Đông Pha cũng đã viết bài “*Đề Tây Lâm Bích*” tại đây.

Từ “*chân diện mục*” (bộ mặt thật) hay “*bản lai diện mục*” (bộ mặt xưa nay) là từ ngữ và câu nói của nhà Thiền mà nhà thơ Tô Thức đã mượn dùng trong bài thơ này. Đây là một chứng minh cụ thể và rõ ràng về sự ảnh hưởng rất lớn của Phật Giáo nói chung và Thiền Tông nói riêng cho tư tưởng của ông. Nhìn kiểu nào cũng thấy khác cho nên không biết bộ mặt thật của núi Lư như thế nào. Nhưng hóa ra là bởi vì thân của người ngắm núi còn đang ở trong núi nên tầm nhìn bị giới hạn bởi các đỉnh, rặng, và mây mù của núi Lư. Phải chăng khi ở trong núi Lư chúng ta bị bao bọc bởi núi đồi, sương mây, nên chúng ta chỉ có thể nhìn gần, thấy một phần của núi Lư mà không thể thấy nó một cách toàn diện trong vẻ đẹp hùng vĩ, thần bí, tú lệ, và nguyên sơ của nó được? Nhà thơ Tô Thức đã thấy rõ điều này nên đã bộc lộ và gợi gẫm cho người đọc một triết lý và cái nhìn khách quan và toàn diện một cách độc đáo và tài tình qua hai dòng thơ rằng “*Chẳng rõ Lư Sơn chân diện mục, chỉ vì thân ở trong núi này.*” Nghĩa là sở dĩ chẳng thấy được cái mặt thật của núi Lư là bởi vì thân còn ở trong núi, nên tầm nhìn còn hạn hẹp, chỉ thấy được một góc độ nào đó của núi Lư mà thôi, chứ không thấy núi Lư một cách toàn diện được. Hai câu này đều có nội hàm phong phú, nó đã gửi gắm và soi sáng cho con người một triết lý đối nhân xử thế tuyệt vời. Khi chúng ta ở hai vị trí khác nhau, tức sẽ có cách nhìn khác nhau nên không tránh khỏi sự phiến diện của mình. Vì thế, trong cuộc sống, chúng ta cần phải có một cái nhìn khách quan và toàn diện khi đối nhân xử thế. Có như vậy chúng ta mới có thể giảm bớt những phạm vi hạn chế và định kiến chủ quan sai lầm của mình. Nhằm mang lại cuộc sống an vui và hạnh phúc cho chính chúng ta và người khác. Đó là những gì nhà thơ Tô Đông Pha muốn trao gởi và truyền đạt đến mọi người qua bài thơ trên.

Không biết nhà thơ Tô Thức có nhìn nhận vấn đề này với chiều sâu trong đạo Phật hay không, hay chỉ hiểu ở mặt ngoài như đã lướt nói ở phần trên. Tuy nhiên, do vì ông đã dùng từ ngữ “*Chân Diện Mục*” của Thiền Tông, nên qua lăng kính của Thiền thì bài thơ có một ý nghĩa khác biệt và sâu sắc hơn là qua cái thấy của đời thường. Để đi sâu hơn, chúng ta cần phải hiểu rõ rằng những khái niệm giả lập, những nhận thức định kiến chủ quan của mình được hình thành ngang qua vọng thức của chính chúng ta. Do vậy bất luận có nhìn sự vật hiện tượng ở góc độ nào, kể cả khách quan và toàn diện, thì nó vẫn thuộc tình thức phân biệt. Mặc dù trong vòng tương đối thì cái nhìn khách quan và toàn diện tốt hơn là cái nhìn cục bộ và phiến diện. Nhưng, nó vẫn thuộc về vọng thức, tức vẫn hạn hẹp, phiến diện, thành kiến, chủ quan, và thiên vị. Hễ qua lăng kính của vọng thức thì dù nó là cái nhìn của cá nhân hay tập thể, nó vẫn là cái nhìn sai lầm, không đúng với sự thật hay thực tại của vạn pháp. Do vậy, Hòa Thượng Quy Nguyên đã viết trong bài Tri Kiến Phi Kiến rằng **“Cố chấp vào một quan điểm, vào một nhận thức, vào một luận thuyết mang tính chủ quan cục bộ của dòng thức, tạo nên những kiến thủ cực đoan ngăn đường bút lối ta đi đến chân lý.”** Chính vì chúng ta nhìn sự vật hiện tượng qua lăng kính của tình thức phân biệt (tương đối) nên chúng ta không thấy được sự thật và thực tại của vạn pháp (bản thể tuyệt đối). Tam Tổ Tăng Xán dạy câu đầu tiên trong bài Tín Tâm Minh là **“Chí Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch”** (Đạo cùng tốt thì không có gì khó, chỉ sợ còn tình thức phân biệt mà thôi). Lại nói: **“Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách”** (Hễ còn mảy may tình thức phân biệt, thì cũng như đất trời xa cách nhau vậy). Hễ còn tình thức phân biệt thì thực tại sẽ không được hiện tiền. Nếu muốn sống với thực tại thì phải vượt thoát tình thức hay chấm dứt vọng thức sinh diệt. Mà muốn được vậy thì phải dẹp sở kiến hay cắt hết mọi đối tượng của thức bằng nghệ thuật tham thiền (thoại đầu), hướng tình thức vào chỗ không hiểu không biết (nghi), chính cái nghi sẽ xóa sạch sở kiến (các đối tượng của thức), và chấm dứt tình thức phân biệt. Hễ có nghi thì tình diệt. Vì vậy Tổ lại nói **“Bất dụng cầu chơn, duy tu tức kiến”** (chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt hết sở kiến hai đầu thì toàn thể tức chơn). Lại nói, **“Dục đắc hiện tiền mạc tồn thuận nghịch”** (nếu muốn Tánh Giác hiện tiền, thì chớ còn tâm thuận nghịch). Hòa Thượng Quy Nguyên cũng đã viết trong bài Tri Kiến Phi Kiến rằng **“Hãy quên đi tất cả mọi tư niệm, mà chính nó đã tạo nên những tràng hí luận hỗn mang, dẫn ta về rối rắm. Quên đi cả những gì đang nói và quên luôn cả cái quên, thì cánh cửa chân lý tức thời rộng mở.”** Lại nói: **“Cái thấy biết chân thật nó siêu vượt khỏi tầm đối đãi của Nhị Nguyên. Hành vô hành là lộ trình không tên gọi. Khi rễ vọng tâm không đất nương tựa thì vòng luân hồi vào chốn vô sinh. Khi mặt trời lên thì đêm đen lui bóng. Đừng cho chi cũng chẳng nhận gì. Thử tìm xem là gì?”** Hai câu sau nhà thơ Tô Thức, vô hình

trung cũng đã nêu lên được nghĩa này rằng “*Chẳng rõ Lư Sơn chân diện mục, chỉ vì thân ở trong núi này.*” Nghĩa là sở dĩ mình không thấy được thực tại, không thấy được thực tướng các pháp, và không thấy được chính Tâm Tánh của mình là bởi vì mình còn bị tình thức phân biệt che lấp. Vì vậy mình chỉ thấy được sự vật hiện tượng ngang qua phạm vi hạn hẹp của vọng thức, chứ không phải bằng lăng kính vô biên giới và cùng khắp của bản thể tuyệt đối Chân Tâm. Nếu muốn thấy được thực tại hay bộ mặt thật của mình (chân diện mục), thì mình phải thoát khỏi nhị nguyên và cởi bỏ lăng kính của tình thức phân biệt.

Bài thơ “*Đề Tâm Lâm Bích*” của nhà thơ Tô Thức là một bài thơ xuất sắc và sâu sắc. Nó xuất sắc là vì ông có thể gói gắm những triết lý sâu sắc qua những ngôn từ rất giản dị. Hơn thế nữa, chỉ trọn vẹn trong bốn dòng thơ, nhà thơ Tô Thức đã có thể miêu tả khai quát những đặc điểm của núi Lư, và đồng thời chỉ ra được những triết lý tuyệt vời một cách rõ ràng để trao gửi đến mọi người. Thứ nhất ông đã cho chúng ta hiểu rằng mọi sự vật hiện tượng trên đời đều có nhiều mặt khác nhau. Vì vậy, trong cuộc sống, chúng ta cần phải có một cái nhìn khách quan và toàn diện khi đối nhân xử thế để tránh cái nhìn và cái hiểu phiến diện sai lầm của mình. Thứ hai, muốn thấy được thực tại của vạn pháp thì chúng ta cần phải vượt ngoài vòng tương đối và sự phân biệt của vọng thức, bằng cách cắt hết mọi sở niệm hay đối tượng của thức. Khi sở niệm đã hết thì năng niệm cũng dứt. Năng sở song vong thì Tánh Giác mới hiển bày. Lúc bấy giờ chúng ta trở về sống thật với con người thật xưa nay của mình, thấy chỉ bằng thấy, nghe chỉ bằng nghe mà không bị một định kiến nào hay một ý thức phân biệt nào xen vào làm ngăn che sự thấy biết thực tại của mình. Chúng ta sẽ thấy rõ chân tướng của vạn hữu một cách rõ ràng, sống động, bao hàm, và nhiệm mầu. Và chúng ta sẽ sống một cuộc sống hoàn toàn tự do và vô nhiễm trong thực tại. Đó chính là một trong những đặc điểm và phong cách đặc biệt của nhà thơ Tô Thức. Và cũng chính vì thế, chúng ta có thể hiểu rằng cư sĩ Tô Đông Pha không chỉ là một nhà văn, thơ nổi tiếng mà còn là một triết gia, một học giả về Thiền học uyên thâm và lỗi lạc.

Cư sĩ Tô Đông Pha đã ở lại núi Lư một vài tháng trước khi đi Nhữ Châu làm việc và đã sáng tác bài thơ “*Đề Tâm Lâm Bích*” tại núi này. Tuy nhiên đến gần cuối đời, lúc hấp hối trên đường bệnh, ông đã viết bài thơ “*Quán Triều*” (Ngắm thủy triều) hay “*Lư Sơn*” để tặng con trai út của ông là Tô Quá khi nghe tin con mình được cử làm quan tri huyện ở Trung Sơn (nay Trung Sơn là thành phố địa cấp thị của tỉnh Quảng Đông) để nhậm chức. Cho thấy núi Lư có một vị trí đẹp trong lòng của nhà thơ Tô Thức mà đến cuối đời ông vẫn còn nhớ và viết về núi Lư. Toàn bài thơ bằng tiếng Hán, Hán-Việt, và Việt như sau:

觀潮

鑪山煙鎖浙江潮，
未到平生恨不消。
到得本來無別事，
鑪山煙鎖浙江潮。

Quán Triều

*Lư sơn yên toả Chiết giang triều,
Vị đáo bình sinh hận bất tiêu.
Đáo đắc bản lai vô biệt sự,
Lư sơn yên toả Chiết giang triều.*

Tạm dịch Việt:

Ngắm Thủy Triều
Sương mù núi Lư, sóng Chiết Giang
Khi chưa đến đó, hận muôn vàn
Đến rồi xưa nay không gì khác
Sương mù núi Lư, sóng Chiết Giang

Núi Lư thường có sương mù bao phủ quanh năm và mưa sương rất đặc biệt. Do sương mù bao phủ nên làm cho núi Lư có một vẻ đẹp nên thơ và huyền bí. Sóng Chiết Giang ở đây là đề cập đến sóng thủy triều của dòng sông Chiết (Chiết Hà) hay còn gọi là Chiết Giang (tên cổ). Những tên gọi đó có lẽ bắt nguồn từ ngôn ngữ Cổ Đại của dân tộc Bách Việt, vì đây là vùng đất phát nguyên và cái nôi của văn hóa Bách Việt thời xưa. Chính danh xưng của dòng sông Chiết này cũng là nguồn gốc của tên gọi tỉnh Chiết Giang. Ngày nay, sông Chiết Giang được biết đến là sông Tiền Đường (钱塘江). Sông Tiền Đường (Tsientang) là con sông lớn nhất tại tỉnh Chiết Giang, dài khoảng 688 km. Nó được bắt nguồn từ giữa hai tỉnh An Huy và Giang Tây, chảy dọc qua thủ phủ Hàng Châu thuộc tỉnh Chiết Giang, ra tới vịnh Hàng Châu, phía nam Thượng Hải, trước khi đổ ra biển Đông. Sông Tiền Đường rất nổi tiếng với lỗ khoan thủy triều lớn nhất thế giới và sóng thủy triều có thể dâng cao đến 8 mét so với mặt sông. Đây chính là vì nước từ vùng biển Đông rộng đổ vào sông được thu hẹp đột ngột khiến Thủy triều ở sông Tiền Đường dâng cao và cuộn cuộn làm cho mặt sông sủi bọt trắng xóa. Một cảnh tượng vô cùng hùng vĩ nhưng cũng rất hãi hùng. Tương truyền Thúy Kiều đã tự tử ở ngay con sông Tiền Đường này và trong Truyện Kiều của nhà thơ Nguyễn Du cũng đã có viết như sau:

*“Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!*

Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đưng ngòi chưa xong.
Triều đầu nổi tiếng đưng đưng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền đường.
Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây!
'Đạm Tiên nàng nhé có hay!
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.'''

Phong cảnh mưa sương của núi Lư và sóng thủy triều cuộn cuộn trào dâng của sông Tiền Đường là hai danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc từ ngàn xưa. Chúng đều là những vẽ đẹp khó tả, khiến bao người ao ước muốn được đến ngắm nhìn tận mắt một lần trong cuộc đời. Nếu chúng ta chưa có cơ hội để tận mắt ngắm cảnh mưa sương của núi Lư và sóng thủy triều của sông Tiền Đường thì đó là điều đáng tiếc và chúng ta có thể sẽ hối hận suốt đời. Nhưng một khi đã đến tận nơi thấy tận mắt rồi thì mới vỡ lẽ phong cảnh mưa sương phủ núi Lư và sóng thủy triều của sông Tiền Đường không có gì đặc biệt cả. Mưa sương vẫn là mưa sương, sóng thủy triều vẫn là sóng thủy triều, không có gì khác lạ. Đây là nghĩa đen mà nhà thơ Tô Thức muốn chia sẻ. Ngoài nghĩa đen ra, còn hai nghĩa bóng chính, rất sâu sắc, mà có lẽ nhà thơ Tô Thức cũng muốn gợi gắm đến chúng ta.

Thứ nhất, nhà thơ Tô Thức muốn nhắn nhủ chúng ta một triết lý rất thực tế ở đời đó là đừng đứng núi này trong núi nọ. Khi chưa đến núi Lư để trải nghiệm mưa sương và đến sông Tiền Đường để ngắm nhìn sóng thủy triều thì trong lòng lúc nào cũng bồn chồn rất mong muốn đến đó. Khi đã đến nơi, thấy, và trải nghiệm rồi thì mới hay nó khác xa với những gì chúng ta tưởng tượng. Ví dụ, bề ngoài nhìn thấy hình ảnh núi Lư có mưa sương phủ đầy tuyệt đẹp, nhưng đoạn đường leo lên núi lại rất hiểm trở vì trơn trượt, mù mịt, ẩm ướt, và vất vả đến nỗi không còn thấy đẹp như trong trí tưởng tượng của mình nữa. Và cũng như sóng thủy triều ở sông Tiền Đường chúng ta hình dung nó đẹp này nọ qua hình ảnh hoặc những bài thơ nhưng có thể đến đó vào lúc sóng to và cao đến 6-8 mét đập vào bờ và cuốn một vài người trong bờ ra sông, chính mình cũng bị thập tử nhất sinh, mai mà không bị cuốn theo dòng. Cảnh tượng hải hùng đó chắc chắn sẽ khiến chúng ta không còn thấy sóng thủy triều là đẹp nữa mà thay vào đó là sự ám ảnh kinh hoàng, khác xa những gì mình tưởng tượng bấy lâu. Và cho dù không bị sự cố gì khi đến tham quan những danh lam thắng cảnh đó đi nữa, nhưng chúng ta cũng sẽ cảm thấy mưa sương của núi Lư và sóng thủy triều của sông Tiền Đường không có gì khác lạ, thường thôi, và ngắm hoài cũng chán. Trong cuộc sống, chúng ta thường có những ước mơ, hoài bão, hay mục tiêu mà chúng ta hướng tới. Lúc chưa đạt được thì chúng ta luôn ao ước, phấn đấu hoặc tranh đấu để đạt được cái mà chúng ta luôn mong muốn. Nhưng khi đã đạt được

những thứ mà chúng ta luôn mong đợi rồi, một thời gian sau thì chúng ta lại cảm thấy thứ mà chúng ta có là quá bình thường đến nỗi rất chán và muốn bỏ. Đó là bởi vì những thứ gì chúng ta chưa có hoặc chưa đạt được thì chúng ta sẽ luôn cho rằng nó đẹp đẽ và muốn có được. Có lẽ do chúng ta hiểu quá ít về nó vì không có thời gian ở chung để tìm hiểu về nó một cách rõ ràng và kỹ càng hơn. Một ngày nào đó khi chúng ta ở gần và hiểu rõ về nó thì mới phát hiện nó vốn không đẹp như trong sự tưởng tượng của tâm mình. Như lúc chưa có nhà, chưa có xe thì ao ước có nhà, có xe. Đến khi đã có nhà, có xe rồi, thì lại thấy nhà, xe của mình quá bình thường, không có gì khác lạ, hoặc không đẹp như trong sự tưởng tượng của mình trước khi có nhà và xe, hoặc lại đem tâm so sánh thì thấy nhà và xe của mình quá tầm thường so với nhà và xe của người khác, rồi lại tiếp tục ao ước có nhà và xe đẹp như của người khác hoặc đẹp hơn của họ nữa. Đây gọi là *“đứng núi này trong núi nọ”* hoặc cũng gọi là *“lòng tham không đáy.”* Sau đây là một câu chuyện giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lòng tham không đáy:

“Một vị thiền sư đi ngao du thiên hạ, khi đến một vùng núi nọ thì bị ốm nặng. Ông được một bà góa là chủ quán trà cứu và đưa về nhà chăm sóc. Mặc dù không biết tung tích vị thiền sư, quán nghèo thưa thớt khách, không có tiền nhiều nhưng người phụ nữ vẫn tận tình chăm sóc và cứu chữa cho ông.

Hơn 3 tháng ròng vị thiền sư mới bình phục. Cảm động ân tình của bà chủ quán, vị thiền sư trước khi rời đi dành một tuần liền để đào một cái giếng cạnh quán cho bà góa tiện dùng nước, không phải ra tận suối gánh nữa. Không ngờ, từ khi dùng nước giếng mà vị thiền sư đã đào để pha trà bán, trà của bà góa có mùi thơm thật đặc biệt và vị của trà cũng rất ngon. Ai uống một lần cũng phải quay lại. Tiếng lành đồn xa, quán trà của bà góa khách đến đông nườm nượp. Người đàn bà góa trở nên giàu có từ đó.

Ít lâu sau, vị thiền sư có dịp ghé qua quán để thăm lại ân nhân của mình, thấy cơ ngơi khang trang, vị thiền sư rất mừng cho bà góa. Khi hỏi về giếng nước, bà góa than phiền với thiền sư:

- Giếng nước này tốt lắm, có điều nước cạn liên tục, vài ngày mới lại đầy nên tôi chẳng bao giờ đủ để bán cho khách.

Vị thiền sư nghe xong lắc đầu, nói:

- Không tốn kém gì cả, từ nguồn nước trời cho rồi kiếm ra nhiều tiền mà bà vẫn không thấy hài lòng ư?

Ông viết lên tường một câu: “Trời đất bao la nhưng lòng tham của con người còn mênh mông hơn thế!” ... rồi lẳng lặng quay đi, không bao giờ quay trở lại quán nữa. Giếng nước từ ấy cũng cạn dần.”

Lòng tham của con người quả thật mênh mông như vị thiền sư kia đã viết. Và chúng ta phần lớn đều giống như bà góa phụ kia vì chúng ta thường hay có tâm phân biệt so sánh, quên hưởng cái vui hiện tại của chính mình, vì thế mới không hài lòng với cái mình đang có. Nếu so với người nhà giàu, có nhà và xe tốt hơn mình thì mình cảm thấy không thỏa mãn hài lòng với nhà và xe của mình, ngược lại muốn có được như người ta. Trong khi đó mình không biết nhìn lại để thấy được rằng mình có nhà và xe là đã may mắn hơn bao nhiêu người không có nhà và xe như mình. Nếu mình chịu quán chiếu lại, hiểu thấu mà tri túc, vui với cái mình đang có thì mình đâu đến nỗi phải thất vọng và khổ đau. Lúc xưa mình chưa có nhà và xe, nay đã có được, lại có đủ cơm ăn áo mặc, chẳng lẽ như vậy chưa đủ để mình thấy hạnh phúc và may mắn hơn bao người khác hay sao? Phải có bao nhiêu nữa mới gọi là đủ? Nhà thơ Nguyễn Công Trứ là một vị quan dưới thời nhà Nguyễn trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức cũng đã nói rõ về việc này trong bài thơ “Chữ Nhàn” của ông qua hai câu sau đây:

*“Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc,
Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn?”*

Dịch nghĩa:

*“Biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ mới đủ?
Biết nhàn là nhàn, đợi cho nhàn thì bao giờ mới nhàn?”*

Nếu chúng ta tri túc tức là biết đủ là đủ, thì không cần chờ bao giờ mới đủ nữa. Khi chúng ta biết nhàn là nhàn, thì không cần chờ bao giờ mới nhàn nữa. Chính ngay cái biết đủ biết nhàn đó là đã đủ đã nhàn rồi. Cần gì phải có thêm, khao khát thêm, ước vọng thêm nữa để làm gì? Nói chung người không biết đủ thì dù giàu mà vẫn nghèo, bởi họ luôn nhìn lên những thứ người khác có mà mình không có, nên họ chẳng bao giờ hài lòng với những gì họ đang có. Ngược lại, người biết đủ thì dù nghèo mà không nghèo, bởi họ không dằn vặt vì những thứ mà họ không có. Thay vào đó, họ trân trọng và hạnh phúc với những gì họ đang có trong giây phút hiện tại.

Đức Phật dạy trong Kinh Bát Đại Nhân Giác rằng: ***“Phải biết nhiều dục là khổ; sanh tử nhọc nhằn mỗi một đều là do tâm tham dục mà phát sinh. Vậy phải bớt cái lòng tham dục mà học Đạo Giác Ngộ Giải Thoát thì thân tâm mới được an vui tự tại.”*** (Đa dục vi khổ, sinh tử bì lao, tòng tham dục khởi, thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại). Lại nói, ***“Phải biết tâm người thì không bao giờ biết đủ, ngược lại chỉ mong cầu được nhiều nên càng thêm lớn nhiều tội ác. Còn người tu hạnh Bồ Tát thì chẳng phải vậy, vì họ thường nghĩ nhớ về pháp biết đủ, sống an vui trong cảnh nghèo khó mà giữ Đạo, và chỉ lấy Trí Tuệ làm sự nghiệp duy nhất cho đời tu của mình.”*** (Tâm vô yếm túc, duy đắc đa cầu, tăng trưởng tội ác, Bồ Tát bất nhĩ, thường niệm tri túc, an bản giữ đạo, duy tuệ thị nghiệp). Đức Phật dạy tham dục nhiều là khổ, nên muốn hết khổ thì phải làm cho dục vọng giảm bớt và học đạo vô vi (tức con đường tham thiền đưa đến giác ngộ) mới làm cho thân tâm mình an vui tự tại được. Nếu tâm không biết đủ lại hay mong cầu nhiều thì thêm nhiều khổ đau. Cho nên mình phải tập sống biết đủ thì mới mang lại cuộc sống an vui hạnh phúc. Thiếu dục tri túc không có nghĩa là bảo chúng ta ngừng cố gắng và phấn đấu. Thật ra không ai bắt chúng ta phải ngừng cố gắng và phấn đấu vì những điều tốt đẹp mình muốn hướng tới. Nhưng cũng phải biết vừa đủ và vừa sức của mình, và đừng so sánh ganh đua với người khác để mang khổ vào mình.

Từ triết lý đứng núi này trong núi nọ, chúng ta có thể rút ra được vài bài học hữu ích và ý nghĩa sâu sắc. Thứ nhất, chúng ta nên biết trân trọng và thỏa mãn với những gì mình đang có để cho bản thân một cơ hội sống hạnh phúc an vui. Thứ hai, cái gì một khi đã mất rồi thì khó tìm lại được, do vậy chúng ta cần trân trọng và trân quý thứ mình hiện có và gây phúc hiện tại. Cuối cùng, chúng ta nên biết ra rằng cuộc đời không có gì hoàn hảo, cái gì cũng có hai mặt của nó, và mặt nào cũng có cái giá của nó. Do vậy chúng ta phải biết vị trí và mục tiêu rõ ràng của mình trong cuộc sống, và đi con đường phù hợp với chính mình, đừng so sánh, hoặc đi con đường của người khác.

Thứ hai, cư sĩ Tô Đông Pha có lẽ đã đọc và dùng cái ý của Thiền Sư Duy Tín để sáng tác bài thơ “*Quán Triều*” này. Thiền Sư Duy Tín trong Chỉ Nguyệt Lục nói: ***“Lão tăng ba mươi năm trước lúc chưa tham thiền, thấy núi là núi, thấy sông là sông. Sau này tham thiền, gặp thiện tri thức có được chỗ vào, thấy núi không phải là núi, thấy sông không phải là sông. Hôm nay được chỗ nghỉ ngơi, thấy núi vẫn là núi, thấy sông vẫn là sông.”***

Chính vì thế mà nhà thơ Tô Thức đã trao trút cho lời văn của mình rất thiên bằng cách lặp lại câu đầu ở câu cuối của bài thơ, tức “*Lô Sơn Yên Tọa Chiết Giang Triều*.” Cũng như Thiền Sư Duy Tín nói, trước khi tu thì ngài thấy núi sông là núi sông. Và sau khi tu ba mươi năm, ngài vẫn thấy núi sông là núi sông. Người tu hành

chân chính nào cũng lấy Trí Tuệ làm sự nghiệp cho đời tu mình (Duy Tuệ Thị Nghiệp). Tu là để giác ngộ giải thoát. Nên người tu ai cũng muốn đến bờ Giác giống như ao ước được đến núi Lư và sông Tiền Đường một lần trong đời vậy. Nhưng khi đã giác ngộ rồi thì mới rõ xưa nay mọi thứ vẫn vậy không khác, bởi vì Tánh Giác xưa nay vốn sẵn có, và nó thường tự Tịch và Chiếu. Thấy bằng thấy nghe bằng nghe là diệu dụng của Tánh Giác nên thấy núi là núi sông là sông đúng như thực tại của chúng mà không qua lăng kính của tình thức phân biệt nữa. Nên Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: **“Tri kiến lập tri tức vô minh bổn. Tri kiến phi kiến tư tức Niết Bàn.”** (Thấy biết mà lập thêm cái thấy biết của tình thức ở trước vật chính là gốc vô minh. Thấy biết mà không lập thêm cái thấy biết của tình thức ở trước vật chính là Niết Bàn.)

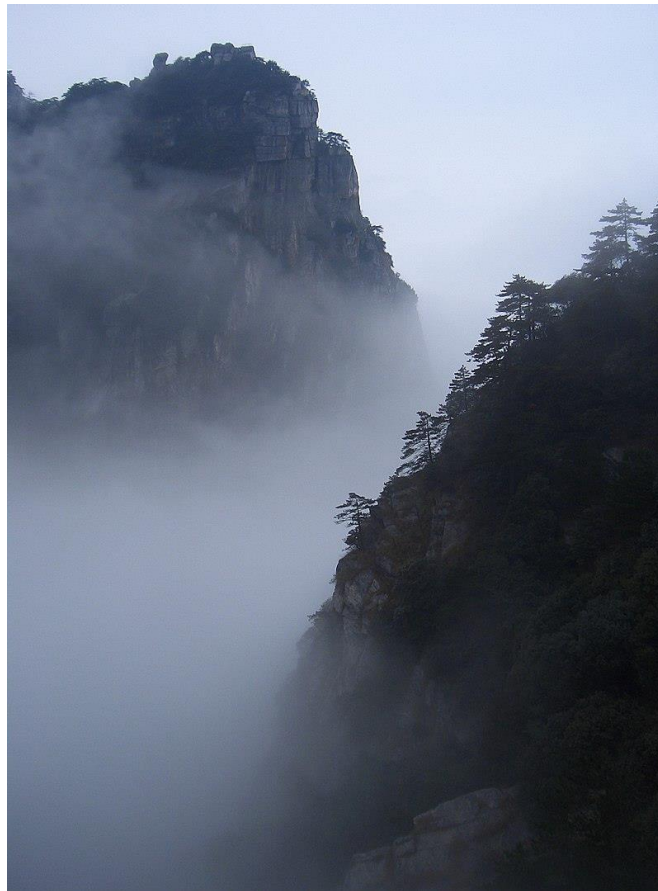
Khi chưa tu còn sống trong và bằng tình thức nên thấy núi sông thì tự dựng lập khái niệm, phân biệt và dính mắc núi sông, nên cho núi sông là núi sông, hay Kinh Niết Bàn gọi là Trước Tướng. Thấy núi thì trước núi, thấy sông thì trước sông, tức là “lập tri” ở trước cái thấy biết. Đó là gốc vô minh. Khi được gặp minh sư chỉ dạy, trong lúc đang tu đạo tham thiền thì sẽ có những cái nhìn khác. Một là quán thấy các pháp đều là duyên hợp, tự thân núi không phải là núi, sông không phải là sông, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà tạm hình thành núi và sông nên cũng tạm gọi đó là núi sông. Hai là quán chiếu vào sâu trong lòng thực tại thấy rằng những khái niệm giả lập được dựng trong đầu mình một cách chủ quan về núi sông nên đó không phải là thực tại của núi sông mà là vọng tưởng bởi tình thức nên nói núi sông không phải núi sông. Ba là khi đang tham thiền hướng tới nghi tình thì mọi sở niệm của thức đều bị quét sạch, chỉ còn một khối nghi dày đặc, tức chỗ suy không ra nghĩ không tới, nên núi sông ở trước mặt mà chẳng thấy biết là núi sông. Khi biết tham thiền thì tất cả các niệm đều buông, nếu như chấp núi là núi và sông là sông thì cũng không được mà cho là không phải núi, không phải sông cũng không được do vậy mà nói lúc đang tu thấy núi không phải núi, thấy sông không phải sông, bởi người tu hiểu rằng nói sao cũng còn kẹt trên tình thức và do vậy cho dù có thấy núi thấy sông cũng không thể gọi nói là núi sông được, bởi hễ cho là gì thì liền rơi vào tình thức.

Khi thấy cảnh bên ngoài, tâm thức của chúng ta liền thu những cảnh vật đó vào bên trong nên cái thấy đó không còn là cái thấy chơn thật, cũng không phải là núi sông y như nó đang là. Tâm thức lại còn phát kiến thêm nhiều phẩy (thêu dệt) về hình ảnh được thu nạp vào tâm, và cuối cùng lại dán cái tên gọi trước mặt núi sông hai danh từ “núi sông”. Cho nên nói núi sông là núi sông y như chúng đang là thì không đúng, chỉ là vọng thức giả lập. Lại tham thiền ba mươi năm sau khi đã hoàn toàn liễu ngộ tự tâm thì cái thấy bằng thấy, nghe bằng nghe v.v... Nói cách khác, thấy nghe hay biết đều bằng tánh giác hay Chân Tâm chứ không qua lăng kính của vô não hoặc dựng lập bởi tình thức nữa. Cái thấy của ba mươi năm trước, tức trước

khi ngộ đạo, là cái thấy bằng và còn tình thức phân biệt bám chấp. Cái thấy của ba mươi năm sau, tức sau khi đã liễu đạo, là cái thấy trực tiếp bằng Tánh Giác chiếu soi, chứ không còn ngang qua tình thức phân biệt bám chấp nữa. Vì thấy y như thật các pháp bằng Tự Tánh chiếu soi nên thấy núi là núi, sông là sông, y như chúng đang là, không thêm bớt thêm dặt bởi vọng thức, mang tính cách chủ quan và cục bộ nữa. Thấy được như vậy mới là thấy đúng, cái thấy không bị dính mắc (Kiến phi kiến), gọi đó là người vô sự (Nhàn Đạo Nhân), là người tự do tự tại (Quán Tự Tại). Vì vậy nên mưa sương của núi Lư vẫn là mưa sương của núi Lư, và sóng thủy triều của sông Chiết vẫn là sóng thủy triều của sông Chiết.

Nhà thơ Tô Thức có rất nhiều bài thơ miêu tả về Núi Lư và Sông Tiền Đường của Hàng Châu, nhưng những tâm tư và tình cảm bộc lộ trong hai bài thơ “Đề Tây Lâm Bích” và “Quán Triều” này rất đặc sắc và mang những hương vị rất thiền. Mặc dù hai bài thơ này có mang đậm chất thiền vì có lẽ lúc sinh tiền, nhà thơ Tô Thức đã từng qua lại học hỏi với các vị Thiền Sư lỗi lạc đương thời. Song, Thiền là danh từ tạm dùng để chỉ một tâm thái thường trực, bất biến và phi thời gian và không gian. Nó nằm ngoài cặp phạm trù tương đối của tình thức. Và danh từ Thiền cũng chỉ là một tiếng rỗng tuếch, không liên hệ gì đến tâm thái tịch nhiên vắng lặng, an tĩnh và tự do tuyệt đối của mỗi tâm hồn. Nên nó không phải là cái để chúng ta có thể học được bằng tình thức; mà chúng ta chỉ có thể đạt đến trạng thái Thiền qua kinh nghiệm thật tu thật chứng bằng thiền định chứ không qua suy luận của bộ óc. Do vậy, tuy những bài thơ này rất hay, rất ý nghĩa, và rất thiền, nhưng không phải là chỗ thật tu thật ngộ của bậc giác ngộ vì nhà thơ Tô Thức ở trên tình thức mà sáng tác những bài thơ này. Dù vậy, đây cũng là những bài thơ rất đáng để những người đời sau như chúng ta học hỏi và suy ngẫm. Bởi vì thứ nhất chúng có giá trị về văn học và lịch sử rất cao. Và thứ hai vì chúng bao hàm những triết lý sâu sắc và đậm những hương vị của thiền, đáng để cho chúng ta lưu tâm, học hỏi và suy ngẫm kỹ càng.

Những Hình Ảnh Núi Lư



Tài Liệu Tham Khảo

1. An Bình. “Đồ Xô Xem Thủy Triều Hiếm Gặp Trên Sông Tiền Đường.” *Dân Trí*, Báo Dân Trí, 28 Sept. 2010, dantri.com.vn/the-gioi/do-xo-xem-thuy-trieu-hiem-gap-tren-song-tien-duong-1285922246.htm.
2. Cheang, Alice W. *Poetry and Transformation: Su Shih's Mirage*. Harvard-Yenching Institute, 2020. PDF download.
3. “Chữ Nhân Bài 1.” *Thi Viện*, thivien.net, <https://www.thivien.net/Nguyễn-Công-Trứ/Chữ-nhân-bài-1/poem-xIP2dSGtSWlBkAiuYdG5-g>. Accessed 2 June 2022.
4. “Công Viên Quốc Gia Lư Sơn - Trung Quốc.” *Khoahoc.Tv*, Khoaoc.tv, <https://khoahoc.tv/cong-vien-quoc-gia-lu-son-trung-quoc-67132>. Accessed 2 June 2022.
5. Hồ, Sĩ Hiệp. “Thăm Trung Tâm Phật Giáo Lư Sơn.” *Giác Ngộ Online*, Báo Giác Ngộ, 26 Sept. 2010, <https://giacngo.vn/tham-trung-tam-phat-giao-lu-son-post10562.html>.
6. Lin, Yutang. *The Gay Genius: The Life and Times of Su Tungpo*. William Heinemann Ltd., 1948. PDF download.
7. Liu, Chengcheng, and Zhongwen Liu. *Secrets to Su Shi's Happiness under Any Circumstances: Transcending and a Positive Perspective*. IJALEL, 2019. PDF download.
8. Longxi, Zhang. *Lessons from Mount Lu: China and cross-cultural understanding*. Cultural Dynamics, 2015. PDF download.
9. Mã, Lương. “Sông Tiền Đường, Nơi Thúy Kiều Tự Vãn và Những Điều Chưa Biết.” *DKN.TV*, DKN.TV, 1 Mar. 2016, www.dkn.tv/van-hoa/song-tien-duong-noi-thuy-kieu-tu-van-va-nhung-dieu-chua-biet.html.
10. “Nguyễn Công Trứ.” *Wikipedia*, Wikipedia.org, 17 Apr. 2022, https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Công_Trứ.

11. Nguyễn, Hiến Lê. *Tô Đông Pha*. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin, 2002.
Thư Viện Hoa Sen.
<https://thuvienhoasen.org/images/file/xFv3HadL2AgQAGUj/to-dong-pha.pdf>. PDF download.
12. Nguyễn, Mây Thị. ““Hỏi Ra Mới Biết Rằng Sông Tiền Đường...”” *Tiền Phong*, Báo Tiền Phong, 9 Feb. 2005, tienphong.vn/hoi-ra-moi-biet-rang-nbsp-song-tien-duong-post1896.tpo.
13. Phan, Xuan Hai. “Câu Chuyện Thiền Sư và Người Góa Phụ.” *TẠP CHÍ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN*, vanhoavaphattrien.vn, 31 Jan. 2022, vanhoavaphattrien.vn/cau-chuyen-thien-su-va-nguoi-goa-phu-a10284.html.
14. “Qiantang River.” *Wikipedia*, Wikipedia.org, 6 Mar. 2022, en.wikipedia.org/wiki/Qiantang_River.
15. “Sông Tiền Đường.” *Wikipedia*, Wikipedia.org, 20 Dec. 2021, https://vi.wikipedia.org/wiki/Sông_Tiền_Đường.
16. Thích, Dung Hy, and Thích Minh Cảnh. “Thiền Tông ‘Hổ Lôn’ Trong Bụng Tô Đông Pha.” *Đạo Phật Ngày Nay*, Buddhismtoday.com, 25 Sept. 2009, <https://www.buddhismtoday.com/viet/thien/to-24-holon.htm>.
17. Thích, Minh Điền. “Tri Kiến Phi Kiến.” *Thư Viện Hoa Sen*, Thuvienhoasen.org, <https://thuvienhoasen.org/a24096/tri-kien-phi-kien>. Accessed 27 July 2022.
18. Thích, Thiện Trí. “Kinh Bát Đại Nhân Giác.” *Thư Viện Hoa Sen*, Thuvienhoasen.org, <https://thuvienhoasen.org/a25682/kinh-bat-dai-nhan-giac>. Accessed 27 July 2022.
19. Tô, Thức. “Đề Tây Lâm Bích 題西林壁 • Đề Trên Tường Chùa Tây Lâm.” *Thi Viện*, thivien.net, https://www.thivien.net/Tô-Thức/Đề-Tây-Lâm-bích/poem-F9u6th-RZwOC_TiudthKcA. Accessed 2 June 2022.

20. “Truyện Kiều - Nguyễn Du (1766–1820) - Truyện Thơ Lục Bát, 3254 Câu.” *Tienvnnguyen*, Tienvnnguyen.net, 20 Aug. 2020, tienvnnguyen.net/a354/truyen-kiieu-nguyen-du-1766-1820-truyen-tho-luc-bat-3254-cau.